

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ – ST

Ngày 20 tháng 7 năm 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Bá Thị và bà Nguyễn Thị Hường;

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST – HNGĐ ngày 29/6/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Bùi Thị H**, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Chỗ ở hiện nay: khu T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ĐKNKTT: xóm M, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- **Bị đơn:** **Anh Chu Văn Th**, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: xóm M, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 05/01/2017, chị và anh Chu Văn Th đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chị ở

cùng bố mẹ anh Th tại xóm M, xã X. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng từ năm 2018 thì thường mâu thuẫn. Nguyên nhân chính, là do anh Th thường xuyên uống rượu say, không chịu lao động, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Chị đã nhờ người thân hai bên khuyên giải, bảo ban anh nhưng anh Th không thay đổi. Hiện nay, chị cùng con gái đã về ở với bố mẹ chị tại xã M; hai bên không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

- *Về con chung*: Chị và anh Th có 01 con chung là cháu Chu Phương T, sinh ngày 04/11/2017. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Thảo đến khi thành niên; chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp và cấp dưỡng giữa vợ và chồng*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về phía bị đơn anh Chu Văn Th: Anh Th đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị H và anh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2021, anh Th đã trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị H đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn; tuy nhiên, mâu thuẫn chỉ là nhỏ nhất trong gia đình. Anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Th xác nhận, vợ chồng có con chung như chị H trình bày là đúng. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và cấp dưỡng giữa vợ và chồng*: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án*:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Chị H và anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung của vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn

nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H; cho chị H được ly hôn anh Th. Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Chu Phương T, sinh ngày 04/11/2017 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị ly hôn anh Chu Văn Th. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Chu Văn Th về việc thụ lý vụ án ly hôn giữa chị H và anh. Anh Th đã trình bày quan điểm, ý kiến của mình về yêu cầu của chị H. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh Th cố ý vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và phiên hòa giải mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Chu Văn Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Th trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 05/01/2017, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh Th không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên có mâu thuẫn. Việc vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm đã được cả Nguyên đơn và Bị đơn xác nhận. Phía anh Th không đồng ý ly hôn

với chị H, vì cho rằng mâu thuẫn chỉ là nhỏ nhất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh cố ý vắng mặt, từ chối tham gia phiên họp hòa giải do Tòa án tiến hành. Như vậy, có thể thấy anh Th đã từ chối bỏ các cơ hội để có thể trình bày nguyện vọng, mong muốn của mình về việc xin đoàn tụ với chị H. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm là xin ly hôn anh Th.

Để xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh Th, Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa phương nơi anh Th và chị H thường trú, được biết: Chị H và anh Th chưa có mâu thuẫn gì phải đến chính quyền địa phương giải quyết. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2018 chị H cùng con về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã M, huyện T; anh Th ở nhà tại xã X. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa anh Th, chị H theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh Th không hòa thuận hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đời sống chung thực tế đã không còn; mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Chu Phương T, sinh ngày 04/11/2017. Khi ly hôn, chị H xin được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T; chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Phía anh Th, đề nghị được nuôi con chung nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Xét thấy: Nguyện vọng về việc nuôi con chung của chị H và anh Th là chính đáng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh Th cố ý vắng mặt; không cung cấp chứng cứ về điều kiện nuôi con để Tòa án xem xét. Chị H cho rằng, hiện đang ở với bố mẹ, thu nhập trung bình 6.000.000đ/1 tháng. Mặt khác, đại diện chính quyền địa phương nơi anh chị thường trú cho rằng: Hiện con chung của chị H và anh Th đang ở cùng mẹ tại xã M, huyện T; anh Th hiện ở một mình, kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H là người trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp, anh Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và cấp dưỡng giữa vợ và chồng: Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ

xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị H, anh Th có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. *Về án phí*: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5. *Về quyền kháng cáo*: Anh Th và chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H. Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Chu Văn Th.
2. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chu Phương T, sinh ngày 11/4/2017 đến khi thành niên. Anh Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.
3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2019/0003134 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.
5. *Về quyền kháng cáo*: Chị H và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm

yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai